

Số: 164/2021/QĐST-DS

P, ngày 16 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 143/2020/TLST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020;

XÉT THẤY:

Sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng thương mại cổ phần X** (tên viết tắt **X1**); trụ sở: Số 266-268, đường N, phường 8, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Kha Đức T, sinh năm 1989; chức vụ: Phó phòng giao dịch CD, địa chỉ liên lạc: Ngân hàng TMCP X - chi nhánh An Giang - phòng giao dịch CD, 88, Đồng Đa, phường P A, thành phố CD, tỉnh An Giang (theo giấy ủy quyền ngày 22/8/2020).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1973; nơi cư trú: ấp LB, xã OL, huyện P, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông **Võ Văn B**, sinh năm 1977, địa chỉ cư trú: ấp Mỹ Hòa, xã Mỹ Đức, huyện P, tỉnh An Giang. Chỗ ở hiện nay: ấp Long Hưng, xã OL, huyện P, tỉnh An Giang.

+ Ông **Nguyễn Văn T** (tự Bảy T), sinh năm 1962, địa chỉ cư trú: tổ 11, ấp Mỹ Thuận, xã VC, thành phố CD, tỉnh An Giang.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

+ Về số tiền nợ: Bà Nguyễn Thị C thừa nhận còn nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần X (viết tắt là X1) số tiền nợ tính đến ngày 02/6/2021 tổng cộng là 240.690.171 đồng (trong đó số tiền nợ vốn là 195.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 30.460.114 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 15.230.057 đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/6/2021 tính trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1720200077 ngày 21/7/2017 và Hợp đồng tín dụng

số LD1721300605 ngày 01/8/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X với bà Nguyễn Thị C và Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 cho đến khi bà C trả hết số tiền nợ.

+ Về trách nhiệm trả nợ: Bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền nợ vốn, lãi tính đến ngày 02/6/2021 tổng cộng là 240.690.171 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu sáu trăm chín mươi ngàn một trăm bảy mươi một đồng), trong đó số tiền nợ vốn là 195.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 30.460.114 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 15.230.057 đồng và trả tiền lãi phát sinh tính trên số tiền nợ gốc kể từ ngày 03/6/2021 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1720200077 ngày 21/7/2017 và Hợp đồng tín dụng số LD1721300605 ngày 01/8/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X với bà Nguyễn Thị C và Giấy nhận nợ ngày 01/8/2017 cho đến khi bà C trả hết số tiền nợ.

+ Thời gian và phương thức trả nợ: Các bên sẽ tự thỏa thuận tại giai đoạn thi hành án.

+ Trường hợp bà Nguyễn Thị C không thanh toán đầy đủ toàn bộ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần X có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số LD1721300605 ngày 30/8/2017 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần X đã ký với bà Nguyễn Thị C để thu hồi nợ.

- Về yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T:

+ Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C thống nhất chấm dứt, không tiếp tục thực hiện hợp đồng cầm cố quyền sử dụng 07 công tằm điền đất nông nghiệp tọa lạc tại ấp Mỹ Thành, xã Mỹ Đức, huyện P, tỉnh An Giang với giá trị 170.000.000 đồng theo thỏa thuận miệng giữa ông Nguyễn Văn T với bà Nguyễn Thị C và tờ xác nhận ngày 20/4/2021 của bà Nguyễn Thị C (trước đây là thỏa thuận cầm cố quyền sử dụng đất trên giữa ông Trần Phi Long, bà Võ Thị Bảy, ông Nguyễn Văn T, sau đó đã tự thỏa thuận lại việc cố quyền sử dụng đất trên giữa ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị C).

+ Bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T (Bảy T) số tiền đã cố đất 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) vào ngày 30/4/2022. Do diện tích 07 công tằm điền đất cầm cố nêu trên hiện nay bà Nguyễn Thị C đang canh tác, quản lý nên không buộc nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn T trả đất lại cho bà Nguyễn Thị C theo quy định.

+ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải trả số tiền lãi trên số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

- Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) và đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần X không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần X số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.680.000 đồng (Sáu triệu sáu trăm tám mươi ngàn

đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0006389 ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

+ Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai năm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0008883 ngày 22 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

+ Bà Nguyễn Thị C tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn là 6.017.254 đồng và án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Văn T là 4.250.000 đồng, tổng cộng là 10.267.254 đồng (Mười triệu hai trăm sáu mươi bảy ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H. P;
- THADS H. P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + VP.

THẨM PHÁN

Thái Dương Thùy Dung